

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 6- 2021

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hoàng Minh Tuấn
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1/ Ông Ngô C Khoa
2/ Bà Lê Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 “ V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (có mặt)

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn Ng, xã T, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện tại chị Phạm Thị H đang lao động tại Đài Loan, Trung Quốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau ngày 19/7/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương. Khoảng tháng 9/2019, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không quan tâm

đến cuộc sống chung và có quan hệ với người đàn ông khác, mặc dù anh đã tha thứ nhưng chị H vẫn không thay đổi. Anh và chị H sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 30/5/2009 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 14/2/2011. Hiện tại các con chung khi thì ở cùng anh T, lúc thì sang ở cùng ông bà ngoại vì 02 nhà gần nhau. Ly hôn anh T đề nghị được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đòi với bị đơn là chị Phạm Thị H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tòa án tiến hành xác minh được bố đẻ của chị H là ông Phạm Văn Ý cho biết, chị H đang lao động tại Đài Loan, Trung Quốc, chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng ông không biết địa chỉ của chị H. Tòa án đã gửi giấy triệu tập cho chị H thông qua chị gái của chị H là chị Phạm Thị B và chị B cam đoan sẽ thông báo cho chị H biết. Ngoài ra, Tòa án còn làm thủ tục niêm yết đối với chị H theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh thông tin về chị H thông qua Cục xuất nhập cảnh - Bộ công an thể hiện: Chị H 3 lần xuất cảnh qua cửa khẩu Sân bay Nội Bài, lần cuối cùng là ngày 16/10/2019 nhưng chưa nhập cảnh về Việt Nam.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh Nguyễn Văn T, các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh T với chị H là vợ chồng, hiện tại có căn cứ khẳng định chị H đang lao động và sinh sống tại Đài Loan, Trung Quốc. Anh T có đơn đề nghị ly hôn, xác định quan hệ tranh chấp là “Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua bố, mẹ và chị gái của chị H có căn cứ xác định chị H vẫn liên hệ với gia đình ở trong nước nhưng gia đình chị H không cung cấp địa chỉ, tin tức của H cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để gửi lời khai về

cho Tòa án nên coi đây là trường hợp bị đơn là chị H cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã yêu cầu nhiều lần nhưng bố, mẹ và chị gái của chị H cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án và không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung mà không hoãn phiên tòa là có căn cứ.

Xét về yêu cầu của đương sự:

[2]. Về tình cảm: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc. Khoảng tháng 9/2019, giữa anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T là chị H có quan hệ với người đàn ông khác, không quan tâm đến cuộc sống chung và các con, mặc dù anh đã tha thứ nhưng chị H vẫn không thay đổi. Anh và chị H sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 30/5/2009 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 14/2/2011. Ly hôn anh T đề nghị được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, hiện tại chị H đang lao động và sinh sống ở Đài Loan, Trung Quốc nên không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của các cháu theo quy định của pháp luật, nên cần giao cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Việt C và cháu Nguyễn Thị Ng là phù hợp. Do anh T không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Các vấn đề khác anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0009604 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Dương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Phạm Thị H.

2/ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Việt C, sinh ngày 30/5/2009 và Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 14/2/2011 cho đến khi các cháu thành niên. Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0009604 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Dương.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Minh Tuấn